

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

Số: *1066* /CT-CS
V/v giới thiệu Nghị định số
373/2025/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

Kính gửi:

- Các Thuế tỉnh, thành phố;
- Chi cục Thuế Thương mại điện tử;
- Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn.

Ngày 31/12/2025, Chính phủ ký ban hành Nghị định số 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/02/2026.

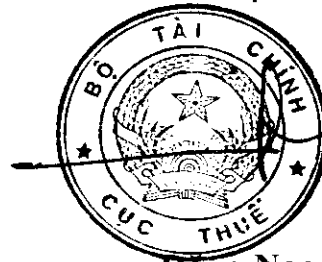
Cục Thuế giới thiệu một số nội dung của Nghị định số 373/2025/NĐ-CP và đề nghị cơ quan thuế nghiên cứu, thực hiện tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định số 373/2025/NĐ-CP nêu trên tới công chức thuế và người nộp thuế để đảm bảo khả thi khi Nghị định này có hiệu lực thi hành (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Cục Thuế thông báo để các cơ quan thuế được biết và thực hiện. */s/*

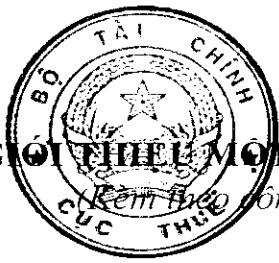
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CT;
- Các Ban/ đơn vị thuộc CT;
- Website CT;
- Lưu: VT, CS(2b). *Đ*
41

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đặng Ngọc Minh



Phụ lục

GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 373/2025/NĐ-CP

(Kèm theo công văn số 1066/CT-CS ngày 12/02/2026 của Cục Thuế)

1. Về quy định người nộp thuế đã khai thuế theo quý nhưng không đủ điều kiện khai thuế theo quý

Điều 1 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 9 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP về trường hợp người nộp thuế đã thực hiện khai thuế theo quý nhưng không đủ điều kiện khai thuế theo quý. Theo đó, người nộp thuế không phải nộp Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý. Người nộp thuế thực hiện khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo, nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó và tính tiền chậm nộp theo quy định. Người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế đối với hồ sơ khai thuế của các kỳ tính thuế phải nộp lại do thay đổi kỳ tính thuế. Hồ sơ khai thuế các tháng đã nộp lại được xác định là hồ sơ thay thế cho hồ sơ khai thuế theo quý đã nộp.

Trước đây: Người nộp thuế đã thực hiện khai thuế theo quý nhưng không đủ điều kiện khai thuế theo quý và tự phát hiện không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì không phải nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó nhưng phải nộp Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý.

2. Về nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN

Điều 3 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm b.2 khoản 8 Điều 11 theo hướng đơn giản hóa việc xác định nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ hai nơi trở lên. Theo đó, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức chi trả khoản thu nhập lớn nhất trong năm. Trường hợp có nhiều nguồn thu nhập lớn nhất trong năm mà các nguồn thu nhập đó bằng nhau thì cá nhân nộp hồ sơ quyết toán tại một trong những cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức chi trả các nguồn thu nhập lớn nhất trên. Trường hợp cá nhân nộp hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân không đúng quy định nêu trên thì cơ quan thuế nơi đã tiếp nhận hồ sơ của cá nhân đó căn cứ thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế hỗ trợ chuyển hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức trả thu nhập để thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định pháp luật.

Trước đây: Về nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ hai nơi trở lên được quy định tại điểm b.2 khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Đồng thời, quy định trước đây chưa có cơ chế chuyển hồ sơ tự động giữa các cơ quan thuế.

3. Về ngày phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đối với tiền sử dụng đất

Điều 2 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP quy định về ngày phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đối với tiền sử dụng đất theo hướng dẫn chiểu quy định tại khoản 3 Điều 155 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 để bao quát đủ 4 trường hợp theo pháp luật về đất đai.

4. Về thời hạn cơ quan thuế ban hành thông báo nộp thuế và gửi thông báo nộp thuế cho người nộp thuế

- Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP quy định chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu chuyển thông tin đối với tiền sử dụng đất của tổ chức, 05 ngày làm việc đối với tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân; 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác định các khoản được trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phải nộp của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thuế ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, phiếu chuyển thông tin, cơ quan thuế ban hành thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản, lệ phí trước bạ nhà, đất.

- Tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP quy định cơ quan thuế có văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, bổ sung thông tin chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận phiếu chuyển thông tin. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp hồ sơ, thông tin theo đề nghị của cơ quan Thuế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan thuế.

Quy định này để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP. Đồng thời, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và thực hiện chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính sửa đổi quy định về thời hạn cơ quan thuế ban hành thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản, lệ phí trước bạ nhà, đất từ 05 ngày xuống 03 ngày.

5. Về khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung

- Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP bổ sung quy định “Số tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản thu ngân sách từ đất đai khác do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật” là khoản thu do cơ quan thuế tính, thông báo số tiền phải nộp theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chuyển đến.

- Tại Điều 5 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP bổ sung quy định thời hạn nộp tiền đối với khoản phải nộp bổ sung nêu trên (cùng với thời hạn phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất).

Trước đây: Tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP chưa có quy định, thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP).

6. Tại Điều 8 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP bãi bỏ cụm từ “thuê mặt nước” tại điểm h khoản 2 Điều 5; điểm e khoản 3, điểm m khoản 4 Điều 8; khoản 5 Điều 10; điểm d khoản 7 Điều 11 để thống nhất với quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

7. Tại Điều 9 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP bãi bỏ khoản 12 Điều 13, điểm a.16 khoản 2 Điều 26 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 44 Nghị định 103/2024/NĐ-CP về trách nhiệm của cơ quan thuế tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các trường hợp có phát sinh nghĩa vụ, bao gồm cả dự án trong Khu kinh tế, khu công nghệ cao (trước ngày 01/8/2024, trách nhiệm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với dự án trong Khu kinh tế, khu công nghệ cao do Ban quản lý Khu kinh tế, khu công nghệ cao đảm nhận).

8. Về việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (sau đây gọi là APA)

Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP nhằm bảo đảm đồng bộ với chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, mẫu biểu và cơ quan tiếp nhận hồ sơ APA. Theo đó, người nộp thuế khi đề nghị áp dụng APA chính thức, gia hạn, sửa đổi hoặc hủy bỏ APA và thủ tục thỏa thuận song phương (MAP) chỉ sử dụng Mẫu số 01/APA-ĐN, thay thế cho các mẫu biểu quy định trước đây.

Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 41 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP về thời điểm có hiệu lực của APA và thẩm quyền, trình tự xử lý hồ sơ APA song phương, đa phương theo hướng dẫn chiểu áp dụng Điều 8 Nghị định số 122/2025/NĐ-CP, nhằm bảo đảm sự đồng bộ trong phân quyền, phân cấp và trình tự xử lý hồ sơ APA song phương hoặc đa phương.

Quy định mới đã đơn giản hóa nghĩa vụ báo cáo của người nộp thuế trong quá trình thực hiện APA. Theo đó, không còn quy định người nộp thuế phải lập và nộp Báo cáo APA thường niên theo Mẫu số 04/APA-BC kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp như trước đây. Đồng thời, trường hợp trong quá trình thực hiện APA nếu có phát sinh các sự kiện gây ảnh hưởng trọng yếu đến việc tiếp tục thực hiện APA hoặc ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh và kê khai thuế của người nộp thuế, người nộp thuế có trách nhiệm báo cáo với cơ quan thuế, không còn quy định về báo cáo đột xuất trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có sự kiện gây ảnh hưởng như trước đây.

9. Về cắt giảm, đơn giản hóa các mẫu biểu, thành phần hồ sơ (TPHS)

Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Công điện của Chính phủ về mục tiêu cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật

và tiếp tục đẩy mạnh cải cách trong năm 2025 và các năm tiếp theo, Nghị định số 373/2025/NĐ-CP đã cắt giảm, đơn giản hóa nhiều mẫu biểu, thành phần hồ sơ khai thuế và quy định liên quan đến hồ sơ nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, cụ thể:

9.1. Điều 10 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP thay thế danh mục hồ sơ khai thuế tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP bằng danh mục hồ sơ khai thuế tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, trong đó, sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ đối với các loại thuế sau:

a) Về hồ sơ khai thuế theo tháng và từng lần phát sinh đối với thuế tiêu thụ đặc biệt tại mục 3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, NNT thực hiện khai một tờ khai duy nhất theo mẫu số 01/TTĐB tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP. Trước đây, NNT thực hiện khai thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học) theo mẫu số 01/TTĐB; khai thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng đối với cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học theo mẫu số 02/TTĐB tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

b) Về hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí, bãi bỏ 03 mẫu biểu quy định tại điểm 7.2 Phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP bao gồm: mẫu số 03-1A/TNDN - Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ, trừ công ty an ninh, quốc phòng), mẫu biểu số 03-1B/TNDN - Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (áp dụng đối với ngành ngân hàng, tín dụng), mẫu biểu số 03-1C/TNDN - Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (áp dụng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán).

c) Về hồ sơ khai thuế đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế, tại điểm b mục 9.2 Phụ lục I Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, bổ sung quy định về trường hợp tổ chức trả thu nhập thực hiện chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đến cơ quan thuế, người nộp thuế không cần nộp bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ; thay đổi quy định hồ sơ đăng ký người phụ thuộc được thực hiện theo thủ tục đăng ký thuế lần đầu tại văn bản quy phạm pháp luật quy định về đăng ký thuế.

d) Về hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh đối với thuế thu nhập cá nhân của cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản tại mục 9.3 Phụ lục I Nghị định số 373/2025/NĐ-CP:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ Bản sao giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân; Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng góp vốn để có quyền mua nhà, nền nhà, căn hộ đã được chứng thực; bản sao được chứng thực hợp đồng góp vốn để có quyền mua nền nhà, căn hộ; Thay thế bản chính, bản sao được chứng thực tại các thành phần hồ sơ thành bản sao (bản chụp từ bản chính); Sửa đổi tên thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên

đất” thành “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”.

- Bổ sung nội dung: “Bản sao các giấy tờ trong hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh đối với thuế thu nhập cá nhân của cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản là bản chụp từ bản chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp bản sao bằng hình thức trực tiếp thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp bản sao bằng hình thức điện tử thì phải ký số cam kết chịu trách nhiệm trên hồ sơ. Trường hợp cơ quan thuế đã kết nối liên thông điện tử với cơ quan có liên quan thì hồ sơ khai là Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản)”

đ) Về hồ sơ đăng ký người phụ thuộc tại mục 9.11 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ đăng ký người phụ thuộc (trước khi cắt giảm) tại mục 9.11 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gồm mẫu 07/ĐK-NPT-TNCN-Bản đăng ký người phụ thuộc và mẫu 07/THĐK-NPT-TNCN-Phụ lục bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc cho người giảm trừ gia cảnh (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ người phụ thuộc cho người lao động); gộp mẫu số 07/XN-NPT-TNCN vào thủ tục hành chính đăng ký thuế lần đầu quy định tại Thông tư 86/2024/TT-BTC.

e) Về hồ sơ khai thuế và các khoản thu liên quan đến đất đai tại điểm 11.1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP:

- Đối với thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ban hành Mẫu số 01/TK-SDDPNN (Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân) để người nộp thuế kê khai theo năm và khai khi chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; Bãi bỏ các Mẫu số 01/TK-SDDPNN, Mẫu số 04/TK-SDDPNN tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC; Ban hành Mẫu số 02/TK-SDDPNN (Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp áp dụng đối với tổ chức) và bãi bỏ Mẫu số 02/TK-SDDPNN tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Việc sửa đổi mẫu các Tờ khai nêu trên nhằm cắt giảm thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế theo hướng trường hợp người nộp thuế đề nghị miễn, giảm thuế thì nộp bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc diện được miễn, giảm thuế kèm theo tờ khai. Cơ quan thuế căn cứ nội dung kê khai để xử lý miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định pháp luật, người nộp thuế không phải làm hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế. Ngoài ra, bổ sung quy định: Khi có thông tin từ cơ sở dữ liệu được liên thông, người nộp thuế không phải kê khai các chỉ tiêu liên quan đến thửa đất mà cơ quan nhà nước có thể tra cứu theo Số giấy chứng nhận do người nộp thuế kê khai. Tại Mẫu số 01/TK-SDDPNN sửa đổi quy

định về xác nhận của cơ quan chức năng để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

- Đối với tiền thuê đất, thuê mặt nước, bãi bỏ cụm từ “thuê mặt nước”, “miễn” tại các thành phần hồ sơ về khai tiền thuê đất, thuê mặt nước.

f) Về hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân của nhà thầu nước ngoài tại mục 13.2, mục 13.3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề có xác nhận của người nộp thuế”. Theo đó, NNT chỉ cần lưu giữ các tài liệu này tại doanh nghiệp để xuất trình khi cơ quan thuế yêu cầu.

g) Về hồ sơ khai thuế theo quý đối với tái bảo hiểm nước ngoài tại mục 13.6 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, NNT thực hiện khai theo mẫu tờ khai số 01/TBH và mẫu số 01-1/TBH tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP. Đối với tờ khai số 01/TBH, NNT khai tổng hợp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp chỉ phải lập 1 tờ khai 01/TBH phản ánh số liệu tổng hợp, không phải lập cho mỗi một tổ chức nhận tái là 1 tờ khai 01/TBH tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC như trước đây. Đồng thời, sửa đổi Phụ lục 01-1/TBH thành Phụ lục hợp đồng tái bảo hiểm, chứng từ tái bảo hiểm theo tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài thay Phụ lục danh mục Hợp đồng tái bảo hiểm như trước đây và bãi bỏ quy định NNT phải cung cấp bản sao hợp đồng mà doanh nghiệp sẽ tự lưu tại đơn vị để theo dõi, xuất trình cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu cung cấp.

h) Về hồ sơ khai thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đối với hoạt động dầu khí tại mục 14 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP:

h.1) Bỏ hồ sơ khai tạm tính sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế.

h.2) Đối với khai thuế theo từng lần xuất bán đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô: thuế tài nguyên; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế đặc biệt và phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng của Lô 09.1 tại mục 14.2 Phụ lục I; tiền lãi dầu nước chủ nhà được chia và khai thuế theo tháng đối với hoạt động khai thác, xuất bán khí thiên nhiên: thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế đặc biệt của lô 09.1; tiền lãi khí nước chủ nhà được chia tại mục 14.3 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP:

+ NNT thực hiện khai tạm tính đối với dầu khí theo mẫu số 01/TK-DK và mẫu số 01/PL-DK tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP. Theo đó, NNT không phải thực hiện khai thuế tài nguyên (trừ Lô 09.1) theo mẫu số 01/TAIN-DK, mẫu 01/PL-DK; khai thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ Lô 09.1) theo mẫu 01/TNDN-DK, mẫu 01/PL-DK; khai thuế khai thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh

nghiệp, thuế đặc biệt, phụ thu của Lô 09.1 theo mẫu 01/TK-VSP tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC như trước đây.

+ NNT thực hiện khai tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được chia theo mẫu số 01/LNCN-DK tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP. Theo đó, NNT không phải thực hiện khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (trừ Lô 09.1) theo mẫu 01/LNCN-DK, khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà của Lô 09.1 theo mẫu 01/LNCN-VSP tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC như trước đây.

h.3) Về khai quyết toán năm hoặc khi kết thúc, chấm dứt hợp đồng khai thác dầu, khí tại mục 14.5 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP:

+ Đối với khoản phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng (trừ Lô 09.1): NNT chỉ cần thực hiện khai quyết toán phụ thu cho các trường hợp theo mẫu tờ khai duy nhất số 02/PTHU-DK tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP. Trước đây, NNT thực hiện khai quyết toán phụ thu (áp dụng đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư) theo mẫu 02/PTHU-DK, thực hiện khai quyết toán phụ thu theo mẫu 03/PTHU-DK tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC như trước đây.

+ Đối với tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được chia: NNT thực hiện khai tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được chia theo mẫu số 02/LNCN-DK tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP. Theo đó, NNT không phải thực hiện khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (trừ Lô 09.1) theo mẫu 02/LNCN-DK, khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà của Lô 09.1 theo mẫu 02/LNCN-VSP tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC như trước đây.

h.4) Gộp các hồ sơ khai điều chỉnh thuế đặc biệt, hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên, hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và hồ sơ khai quyết toán phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng của Lô 09.1 thành một hồ sơ với tiêu đề mới là: Hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên/ Khai quyết toán phụ thu/ Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp/ Khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên áp dụng cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1.

i) Bỏ hồ sơ khai thuế theo quý đối với thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức tín dụng hoặc bên thứ ba được tổ chức tín dụng ủy quyền khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm tại mục 15 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

k) Về hồ sơ khác có liên quan tại mục 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, bãi bỏ thành phần hồ sơ Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý.

9.2. Điều 11 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP thay thế danh mục thông báo tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP bằng danh mục hồ sơ khai thuế tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, trong đó, sửa đổi, bổ sung danh mục thông báo như sau:

a) Bỏ các mẫu thông báo số 01/TB-TMĐN, 02/TB-TMĐN, 01/TB-TSĐĐ tại mục 4 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

b) Cơ quan thuế đề nghị cung cấp thông tin để xác định <tiền thuê đất phải nộp của người nộp thuế chưa có Quyết định/hợp đồng> <thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản> <thuế thu nhập cá nhân từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản của ...> theo mẫu số 01/CCTT-TĐMN tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, thay cho mẫu số 01/CCTT-TĐMN quy định tại Phụ lục II Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

9.3. Điều 12 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP thay thế danh mục mẫu biểu kèm theo tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP bằng danh mục mẫu biểu tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, trong đó, sửa đổi, bổ sung danh mục mẫu biểu như sau:

a) Về gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất tại mục 2 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, NNT đề nghị gia hạn nộp thuế theo mẫu số 01/GHAN tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP. Theo đó, bãi bỏ các mẫu 01/GHKS, 02/GHKS, 03/GHKS, 04/GHKS tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

b) Về mẫu biểu về APA tại mục 6 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, NNT thực hiện đề nghị áp dụng APA theo mẫu số 01/APA-ĐN tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 373/2025/NĐ-CP. Theo đó, bãi bỏ các mẫu 01/APA-TV, mẫu số 02/APA-CT, mẫu số 03/APA-MAP, mẫu số 04/APA-BC tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

10. Về điều khoản chuyển tiếp

Điều 13 Nghị định số 373/2025/NĐ-CP quy định trường hợp người nộp thuế đã kê khai thuế theo mẫu biểu quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính thì tiếp tục thực hiện kê khai thuế, quyết toán thuế cho kỳ tính thuế năm 2025 theo mẫu biểu quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Đối với các chuyên dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì người nộp thuế kê khai theo mẫu biểu quy định tại Nghị định này./.